

Bài báo nghiên cứu

ĐỒN ĐIỀN CAO SU Ở TÂY NINH THỜI THUỘC PHÁP

Dương Văn Triêm¹, Lê Minh Hiếu^{2*}

¹Hội Sư học Đồng Tháp, Việt Nam

²Trường Đinh Thiện Lý, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Lê Minh Hiếu – Email: hieuminh0209@gmail.com

Ngày nhận bài: 12-7-2022; ngày nhận bài sửa: 04-9-2022; ngày duyệt đăng: 23-11-2022

TÓM TẮT

Bài viết sử dụng phương pháp lịch sử và phương pháp thống kê để nghiên cứu về các đồn điền cao su ở Tây Ninh thời Pháp thuộc. Sau một thời gian thử nghiệm, cây cao su đã được người Pháp trồng và khai thác lâu dài ở Nam Bộ nói chung và tỉnh Tây Ninh nói riêng. Trong bốn thập kỉ đầu của thế kỉ XX, số lượng đồn điền cao su được thành lập ở Tây Ninh ngày càng nhiều cả về diện tích lẫn số lượng cây trồng. Bài viết tập trung tìm hiểu một số đặc điểm của đồn điền cao su về quá trình thành lập và quy mô đồn điền, chủ sở hữu, kĩ thuật canh tác, nguồn công nhân chủ yếu làm việc trong đồn điền cũng như những tác động của đồn điền cao su đối với kinh tế – xã hội Tây Ninh trong giai đoạn này. Sự phát triển của đồn điền cao su đã dẫn đến những thay đổi về cơ cấu cây trồng, hình thành những khu vực sản xuất chuyên canh sản phẩm nông nghiệp; mở rộng diện tích đất canh tác; và hình thành quan hệ sản xuất mới.

Từ khóa: đồn điền cao su; đồn điền cao su Tây Ninh; Tây Ninh thời Pháp thuộc; nông nghiệp Tây Ninh thời Pháp thuộc

1. Mở đầu

Sau khi tiến hành xây dựng tòa tham biện ở Trảng Bàng và Tây Ninh, xây dựng hệ thống chính quyền từ tỉnh, quận xuống tận các tổng, sóc, phum, Pháp đã cơ bản hoàn thành việc thiết lập bộ máy thống trị hành chính và bắt tay ngay vào việc khai thác, vơ vét các nguồn tài nguyên sẵn có ở Tây Ninh để làm giàu cho tư bản Pháp. Ở Tây Ninh nói riêng và Nam Bộ nói chung, người Pháp rất quan tâm, đầu tư khai thác những nguồn lợi trong lĩnh vực nông nghiệp. Một số tỉnh miền Đông Nam Kỳ, nơi có đất đỏ và đất nâu thích hợp trồng cao su, lần lượt các đồn điền cao su được thành lập. Ở Tây Ninh, đồn điền cao su cũng xuất hiện khá sớm và nhanh chóng phát triển cả về số lượng đồn điền lẫn quy mô diện tích. Từ khi Công ti cao su Tây Ninh đầu tiên được thành lập năm 1908 đến năm 1931 đã có 146 đồn điền cao su đăng kí hoạt động.

Cite this article as: Duong Van Triem, & Le Minh Hieu (2022). Rubber plantation in Tay Ninh Province during the French colonial period. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 19(11), 1888-1901.

Bài viết này không tập trung nghiên cứu đồn điền cao su ở Tây Ninh về các mặt chính sách đầu tư, vốn, giá trị xuất khẩu hay những cuộc đấu tranh của công nhân đồn điền... mà nghiên cứu, tìm hiểu một số đặc điểm của đồn điền cao su về đăng kí chủ sở hữu, quy mô và diện tích, kĩ thuật canh tác, nguồn công nhân chủ yếu làm việc trong đồn điền.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thành lập các đồn điền

2.1.1. Khái quát về quá trình thành lập và quy mô đồn điền cao su của Pháp ở Tây Ninh

Trước năm 1904, việc trồng thử nghiệm cây cao su ở Việt Nam của người Pháp đạt kết quả không cao. Năm 1904 là mốc thời gian khởi đầu tín hiệu vui cho Pháp về cây cao su ở Việt Nam. Việc trồng cây cao su trong các vườn thí nghiệm đều mang lại kết quả khả quan. Trong vườn thí nghiệm ở Nha Trang, Dr. A. Yersin, nhà vi trùng học, cùng với kĩ sư nông nghiệp kiêm kĩ sư hóa học G. Vernet (người đã nghiên cứu rất nhiều về các vấn đề cây cao su) đưa ra những căn cứ khoa học cho cách trồng tỉa và phương pháp lấy mủ cao su. Phát triển công trình nghiên cứu của Yersin, các nhà nông học Pháp đã đi đến kết luận là với những điều kiện đất đai, khí hậu ở miền Đông của Nam Kỳ, cao su có thể phát triển một cách thuận lợi không kém ở vùng đồng bằng Amazone.

Nắm lấy kết quả trên của các nhà khoa học, giới tư bản Pháp đã nhanh chóng áp dụng những thành quả đó vào việc kinh doanh cao su ở Đông Dương. Năm 1908, Công ti cao su Tây Ninh (Société des hévéas de Tay Ninh) được thành lập tại Hiệp Thành, phía Nam Tây Ninh², có đội ngũ kĩ sư và xưởng chế biến, do các ông Jousset và Deleurance làm chủ với 27ha cao su đầu tiên tại Vên Vên (Gò Dầu Hạ), sau đó phát triển ra các đồn điền Trà Vò, Hiệp Thành, Cầu Khởi với tổng diện tích 2600ha. Công ti này hoạt động bằng vốn tự có, không thuộc nhóm ngân hàng tài chính Pháp, không tìm cách và cũng không đủ sức thôn tính các đồn điền kế cận. Nhân công ở đây chủ yếu là lực lượng “bán công bán nông” trong vùng. Đến năm 1916 tỉnh Tây Ninh có 4 đồn điền là Suối Cao, Công ti cao su Tây Ninh, Thanh Phước và Thanh Điền (Syndicat, 1931, p.33).

Tiếp đó, các đồn điền khác lần lượt đăng kí hoạt động, số lượng ngày càng nhiều. Đến năm 1931 đã có 146 đồn điền được đăng kí. Dưới đây là bảng kê chi tiết tên và diện tích các đồn điền (xem Bảng 1):

Bảng 1. Bảng thống kê các đồn điền đăng kí hoạt động và diện tích mỗi đồn điền (năm 1931)

Đồn điền (plantation)	Diện tích	Đồn điền (plantation)	Diện tích	Đồn điền (plantation)	Diện tích
Abadie	49ha 1400a	Espelette	113ha 40a	Nguyễn Văn Tâm	3ha
Amadou	50ha 80a	Faure	50ha 70a	Nguyễn Văn Thịnh	3ha

² Có lẽ khi mới thành lập trụ sở được đặt ở Sài Gòn, sau đó dời về Tây Ninh.

André	50ha	Forterre & Gay	50ha	Nicoli	50ha 80a
Arborati (1)	10ha	François	50ha 40a	Noel de Gentille	49ha 14a
Arborati (2)	10ha	Frézouls	80ha	Norkhan	5ha 85a
Arnaud	285ha	F'roment	51ha 30a	O' Connel	120ha
Aspar	46ha 26a	Golos	50ha 32a	Page	50ha 80a
Barré	49ha 7690a	Giaccobi	50ha 25a	Pagès	50ha 80a
Baugé	150ha	Grosse	49ha 70a	Petit	60ha
Beaugendre	49ha 61a	Guy-Nas de Tourris	50ha	Pétra (1)	49ha 56a
Bén Cui	1871ha 87a	L' Herminier	50ha	Pétra (2)	49ha 47a
Bertaux	49ha 6080a	Hồ Văn Vân	5ha	Phạm Kế Tri	9ha
Beyssère	49ha 75a	Houlong	47ha 8860a	Plas	50ha
Biaggi	50ha 20a	Huỳnh Văn Trạch	6ha	Poggi	49ha 68a
Bignault	50ha 80a	Huỳnh Văn Xáng	4ha 5a	Poirot	50ha 25a
Blangy	50ha 25a	Jahier	49ha 6620a	Pouillet	49ha 58a
Blavadie	303ha 67a	Kasegou	121ha 7720a	Prallet	48ha 75a
Bombard	54ha 6070ha	Latuste	80ha	Rossi (1)	101ha 40a
Bonjean	48ha 88a	Lasseigne	49ha 69a	Rossi (2)	49ha 5a
Boulle	50ha 14a	Lê Văn Kha	201ha	Roussenet	490ha
Boyer	50ha 3125a	Lê Thị Cỏ	12ha	Route Haute	1350ha
Breton	50ha 84a	Lê Thị Dại	9ha	Rylski	53ha 260a
Cagny	50ha	Lê Văn Trường	4ha	Société Agricole et Immobilière	70ha

Cancellieri	49ha 65a	Lê Văn Bôn	18ha	Scotto	52ha 85a
Capponi	50ha 1745a	Lê Văn Thiện	9ha	Sentenac	50ha
Caubet	4875ha	Legnen	49ha 85a	Servain	110ha
Cầu Khôi	2255ha	Les Planteurs Réunis	125ha	Sicé	99ha 60a
Caruette	225ha	Lignon	50ha	Sud-Indochinois	45ha
Cavallié	42ha 80a	Nguyễn Văn Lữ	8ha	Soitert	99ha 3770a
Cazeau	60ha 30a	Maillard	51ha 8167a	Tạ Quang Vinh	40ha
Champeval	52ha	Marcé	50ha 3980a	Tạ Thanh Tân	5ha
Chiarasini	53ha 40a	Massei	50ha 1225a	Tạ Thanh Tàu	5ha
Clerc (1)	50ha	Massias	49ha 80a	Tây Ninh	4252ha
Clerc (2)	50ha	Maury	50ha	Thanh Phát	65ha
Sté des Hévéas de Cochinchine	490ha	Michaud	49ha 80a	Théveneau	101ha 40a
Communal	49ha 70a	Minel	50ha 55a	Thorre	51ha 30a
Daillan	50ha	Mogenet	65ha	Trảng Bàng	75ha 3340a
Domaine Tabeluyl	3300ha	Montevain	49ha 14a	Trảng Súp	100ha
Danis	51ha 10a	Ngô Thị Hương	4ha	Trương Văn Mạnh	20ha
Đặng An Khương	45ha	Nguyễn Văn Dếp	14ha	Trương Văn Sĩ	60ha
Đặng Trí Sung	13ha	Nguyễn Gia Té	6ha	Trần Khắc Nương	49ha 75a
Delaitre	49ha 85a	Nguyễn Thới Vân	10ha	Trần Văn Xe	1ha 70a
Delong	52ha 24a	Nguyễn Văn Vĩnh	10ha	Trần Văn Đa	7ha
Đỗ Ngọc Túc	20ha	Nguyễn Văn Thọ	2ha	Trương Quan Tiến	20ha
Đỗ Khiết Triều	78ha	Nguyễn Văn Trị	16ha	Vincent	105ha

Demanjod	50ha	Nguyễn Thị Liên	8ha	Wichhuysse	49ha 82a
Dorlarcq	49ha 28a	Nguyễn Văn Du	2ha	Nguyễn Văn Gieo	10ha
Dromond	50ha 5a	Nguyễn Văn Bửu	7ha 8a	Nguyễn Văn Chử	14ha
Duchateau	264ha	Emon	50ha		

Nguồn: Tổng hợp từ Thư mục của Hiệp hội những người trồng cao su Đông Dương (năm 1931)

Tổng số có 146 đồn điền cao su đăng kí hoạt động dưới thời thuộc Pháp với tổng diện tích 26.302ha 1952a³. Bảng 1 cho thấy số lượng đồn điền đăng kí hoạt động nhiều, đa dạng về diện tích từ hơn 1ha đến gần 5000ha:

- Từ 1-10ha: 26 đồn điền.
- Từ 11-20ha: 9 đồn điền.
- Từ 40-60ha: 79 đồn điền.
- Từ 65-100ha: 10 đồn điền.
- Từ 101-150ha: 9 đồn điền.
- Từ 201-490ha: 7 đồn điền.
- Từ 1350-4875ha: 6 đồn điền.

Nhìn chung, các đồn điền do điền chủ người Pháp sở hữu có quy mô và diện tích lớn hơn so với các đồn điền của người Việt. Trong số 6 đồn điền có diện tích từ 1350-4875ha thì đồn điền Cầu Khởi (2255ha) không xác định rõ chủ sở hữu, còn lại đều do người Pháp làm chủ (đồn điền Tây Ninh do Caffort André sở hữu) (Syndicat, 1931, p.41). Bên cạnh đó, trong số 26 đồn điền có diện tích từ 1-10ha thì chỉ có 3 đồn điền do người Pháp sở hữu đó là Arborati 1 (10ha), Arborati 2 (10ha) và Norkhan (5ha 85a) còn lại đều là các đồn điền do người Việt sở hữu và khai thác.

2.1.2. Đặc điểm chung của đồn điền

- Về chủ sở hữu

Chủ sở hữu đồn điền có người Pháp, người Việt, người Hoa; trong đó, chủ người Việt, người Hoa chiếm số lượng nhỏ, đa phần họ là chủ nhân của mảnh đất mà ông cha đã khai hoang bằng sức lao động của gia đình hoặc của cả dòng họ để lại. Khả năng mở rộng diện tích các đồn điền thuộc sở hữu tư nhân người Việt bị hạn chế lớn nhất là về tài chính. Họ không được ngân hàng cho vay vốn và cũng không được sự ủng hộ tài chính từ phía Pháp. Họ tự phát triển bằng đồng vốn của mình. Đến năm 1931, theo số liệu thống kê từ Thư mục của Hiệp hội những người trồng cao su Đông Dương (năm 1931) (Syndicat des planteurs de caoutchouc de l'Indochine, 1931), ở Tây Ninh có 146 đồn điền; trong đó có 2 đồn điền không

³ “a” viết tắt của “are”, một “a” bằng một trăm mét vuông (m²).

xác định rõ chủ sở hữu là Cầu Khởi và Domaine Tabeluyt, 41 đồn điền do người Việt và người Hoa sở hữu, còn lại đều do người Pháp sở hữu.

Số lượng đồn điền thuộc sở hữu của người Việt và người Hoa ít, một phần nguyên nhân do cách canh tác truyền thống của họ. Rất ít người nghĩ đến việc mở đồn điền trồng cao su, một kiểu làm ăn còn xa lạ đối với họ. Vì là con cháu của địa chủ, sống và lớn lên nhờ tô tức, nên họ vẫn còn mang trong mình xu hướng của ông cha là hễ có tiền nhàn rỗi thì tậu ruộng, phát canh thu tô, chứ chưa mạnh dạn bỏ nhiều tiền đầu tư trồng và khai thác cây cao su.

Chủ sở hữu các đồn điền đa số là người tại địa phương. Tuy nhiên, cũng có một số đồn điền thuộc một số công ti trồng và khai thác cao su có trụ sở đặt ngoài Tây Ninh. Đơn cử là Công ti cao su Tây Ninh, có trụ sở ở Sài Gòn (36, bên sông Belgique), năm 1913 có 2 đồn điền ở Tây Ninh, chiếm diện tích 2.128ha, với số vốn 3.800.000fr (Syndicat, 1916, p.34). Đồn điền Đỗ Trần, làng Thái Bình, tổng Hòa Ninh của Trần Khắc Nhượng ở Sài Gòn (218, đường Legrand de la Liraye, Sài Gòn).

Một công ti có thể có một hoặc hai đồn điền trở lên, như công ti Nguyễn Văn Trị sở hữu 2 đồn điền: tên “Nguyễn Văn Trị” 16ha và “Thanh Phát” 65ha (làng Ninh Thạnh, tổng Hòa Ninh). Tuy nhiên, đồn điền “Nguyễn Văn Trị” có đăng kí nhưng không hoạt động.

- Về kỹ thuật canh tác



Hình 1. Làm đất bằng máy cày, lưỡi cày đĩa (*Labourage mécanique, charrue à disques*)

Nguồn: Tổng hợp từ Thư mục của Hiệp hội những người trồng cao su Đông Dương
Quy mô, kỹ thuật của các đồn điền khác nhau, có đồn điền chỉ khoảng 2-3 culi (*coolies*) làm nhiệm vụ trông giữ đồn điền, có đồn điền lên đến 1000 culi, tất cả các khâu trồng trọt sản xuất của đồn điền gần như là chuỗi khép kín. Có đồn điền trang bị đầy đủ các nông cụ: máy kéo, máy cày, trâu bò...; có đồn điền không có gì cả, mọi việc phải thuê khoán bên ngoài. Một số trường hợp tiêu biểu như đồn điền Tây Ninh (thuộc Công ti cao su Tây Ninh) cách Sài Gòn 70km, ở làng Hiệp Thành, tổng Triêm Hóa, có: “Lực lượng lao động: 400 người, gồm 241 thợ cắt; các tòa nhà và cơ sở: nhà máy, máy sấy, cửa hàng, 8 ngôi nhà; thiết bị nông nghiệp: 7 máy kéo, máy cày; gia súc: 67 con bò.” (Syndicat, 1926, p.78).

Đồn điền Bùi Hữu Định, cách Sài Gòn 46km, làng An Tịnh, tổng Hàm Ninh Hạ, có 2 culi, 2 xe bò, 2 máy cày và 4 con bò. (Syndicat, 1926, p.72).

Đồn điền Đặng An Khương (chủ Đặng An Khương, nhà 215, đại lộ Gallieni, Chợ Lớn), cách Sài Gòn 53km, làng Gia Lộc, tổng Hàm Ninh Hạ. Đồn điền có 1 nhà quản lí lợp bằng ngói, có 1 cạp rần⁴, 3 culi, không có nông cụ, việc cày xới phải thuê khoán bên ngoài (Syndicat, 1926, p.73).

- Về nguồn công nhân đồn điền

Nguồn công nhân chủ yếu (năm 1930):

- Người từ miền ngoài vào (*tonkinois*): đồn điền Bến Củi, làng Đôn Thuận, tổng Hàm Ninh Thượng, được thành lập năm 1926, với 460 culi ở Bắc và Trung Kỳ.

- Người địa phương (*locale*): đồn điền “Những người trồng cao su Reunis” thành lập năm 1926 của Rouelle giám đốc Công ti “Những người trồng cao su Réunion” (Société Les Planteurs Réunion), làng Lộc Hưng, tổng Hàm Ninh Hạ, sử dụng nguồn nhân công địa phương.

- Người Cam Bốt (*cambodgiens* – Campuchia ngày nay): đồn điền O’ Connel, thành lập năm 1904, làng Thanh Điền, tổng Hòa Ninh, sử dụng nguồn công nhân tự do, Trung Kỳ và người Cam Bốt.

- Người “hàng xóm” (*voisinants*), trường hợp này thường rơi vào những đồn điền của người bản xứ. Đơn cử, đồn điền Trảng Bàn của Nguyễn Tân Danh, làng Gia Lộc, Hàm Ninh Hạ, sử dụng nguồn công nhân là những người “hàng xóm”.

Thời gian làm việc của công nhân có: theo ca (*pas cas*), theo ngày (*journalière*), theo mùa (*en saison*), thường trực (*en permanence*).

Để giúp các nhà tư bản Pháp trong việc tuyển mộ công nhân và ràng buộc chặt công nhân với các đồn điền, ngày 11/11/1918, chính quyền thực dân Pháp ban hành quy chế về công nhân làm việc tại các đồn điền nông nghiệp. Theo đó, chủ đồn điền nông nghiệp được phép tuyển mộ nhân công tại các xứ thuộc Liên bang Đông Dương hoặc ngoài Liên bang Đông Dương. Giữa chủ hay đại diện chủ và người lao động phải có giao kèo (*contrat*) ngay tại nơi tuyển mộ, trước sự giám sát của chính quyền địa phương cấp tỉnh hay thành phố. Thời hạn giao kèo tối đa là 3 năm, hết hạn có thể kí tiếp, nhưng mỗi lần tối đa 3 năm. Người kí giao kèo phải xuất trình thẻ thuế thân hay căn cước, tối thiểu 18 tuổi, thời gian làm việc quy định tối đa là 10 giờ trong một ngày và chia làm 2 ca, cách nhau 2 giờ để nghỉ ngơi. Nếu nhân công làm thêm giờ thì chủ phải trả lương gấp đôi, khi ốm đau thực sự được chữa bệnh và ăn uống không mất tiền. Nữ nhân công phải được phân công làm những công việc phù hợp với sức khỏe, được nghỉ một tháng có lương sau khi sinh; bên nào vi phạm giao kèo sẽ bị xử phạt tùy theo mức độ nặng nhẹ. Công nhân không được bỏ giao kèo, bỏ trốn. Phần nhiều không công nhân nào trốn thoát vì đồn điền ở giữa rừng, xa làng mạc, thường bị người dân tộc bắt nạt cho đồn điền để lãnh thưởng. Theo chế độ quy định, công nhân được nhận trước một số tiền để lại cho gia đình rồi vào làm việc cho đồn điền đủ thời hạn đã kí kết. Quy

⁴ “Cạp rần” gốc tiếng Pháp “caporal” nghĩa là cai “trông coi đồn điền”, ở trường hợp khác cai “quản ngục”.

định là vậy, nhưng thực tế các chủ đồn điền thường không tôn trọng và thực hiện đầy đủ. Chính vì vậy, việc công nhân hủy giao kèo, bỏ trốn hay đứng lên đấu tranh là điều không thể tránh khỏi.

Như vậy, có thể thấy đồn điền cao su ở Tây Ninh được thành lập từ khá sớm và ngày càng phát triển cả về số lượng lẫn quy mô, diện tích. Đa số các đồn điền đều do người Pháp hoặc các công ti của người Pháp sở hữu. Số lượng đồn điền do người Việt và người Hoa sở hữu chiếm số lượng ít hơn (41/146) và quy mô cũng nhỏ hơn các đồn điền của người Pháp. Kỹ thuật canh tác và phương tiện, máy móc cũng như số lượng nhân công ở mỗi đồn điền cũng khác nhau. Nguồn nhân công làm việc trong các đồn điền cũng khá phong phú, họ đến từ nhiều nơi khác nhau như từ miền ngoài vào, người địa phương, người Cam Bốt và cả người “hàng xóm” (*voisinants*).

2.2. Hoạt động của các đồn điền

Các đồn điền ở Tây Ninh thời gian đầu tuy số lượng đăng kí nhiều nhưng vì nhiều nguyên nhân khác nhau nên khi đi vào hoạt động thực tế thì không còn bao nhiêu. Số lượng đồn điền đi vào hoạt động chưa tới 50% số đã được đăng kí. Lí giải cho điều này, có thể một phần do năng lực tài chính, kinh tế của một số chủ đồn điền, một phần do điều kiện thổ nhưỡng. Có đồn điền đã đăng kí rồi, nhưng khi khảo sát đất thì lại không thích hợp phát triển cao su hoặc cơ sở hạ tầng: đường giao thông, nhà máy chế biến... chưa có hoặc không đồng bộ nên gây khó khăn cho việc vận hành của đồn điền.

Theo số liệu thống kê năm 1926, có khoảng 21 đồn điền hoạt động ở Tây Ninh, chiếm khoảng 14% tổng số các đồn điền được đăng kí (xem Bảng 2):

Bảng 2. Bảng thống kê các đồn điền đăng kí hoạt động ở Tây Ninh năm 1926

Đồn điền (<i>plantation</i>)	Làng (<i>village</i>)	Năm (<i>thành lập</i>)	Diện tích	Số lượng cây
Bùi Hữu Định	An Tịnh	1919	35ha 50a	8500
Cao Triều Hồng	An Tịnh	1919	47ha 42a	12.000
Cầu Khởi (Société anonyme des plantation d' hévéas de Caukhoi)	Trụ sở: số 4, đường Filippinu, Sài Gòn	1916	2.255ha	133.700
Đặng An Khương	Gia Lộc	1920	35ha	9000
Đặng Trí Sung	Gia Lộc	1919	33ha	7755
Đỗ Trần (Trần Khắc Nhượng)	Thái Bình	1925	180ha	12.500
Forterre và Gay	An Tịnh	1919	50ha	20.000
Gia Lâm (Lê Thành Đưa)	Gia Lộc	1918	162ha	40.000
Hà Công Trình	Lộc Hưng	1917	50ha	10.000

Lê Thành Đưa	An Tĩnh	1918	40ha	11.000
Lộc Hưng (<i>Baugé và Ballous</i>)	Lộc Hưng	1925 (phỏng đoán)	147ha	30.000
Nguyễn Văn Tân (Danh)	Gia Lộc	1918	80ha	17.625
Nguyễn Văn Vĩnh	An Tĩnh	1919	11ha	3179
Phạm Văn He	An Tĩnh	-chưa rõ-	6ha 50a	1500
“Những người trồng cao su Réunion” (Société anonyme “Les Planteurs Réunis”) Route Haute (Société anonyme des plantations de la Route Haute)	Lộc Hưng	1/6/1926	200ha	65.000
Tây Ninh (Société des hévéas de Tay Ninh)	Hiệp Thành	1908	3.260ha	1.000.000
Thanh Điền (O’ Connell)	Thanh Điền	-chưa rõ-	12ha	3000
Trương Quang Tiến	An Tĩnh	1919	7ha 20a	2000
Paul Vincent	Thạnh Phước	-chưa rõ-	105ha	35.500
Vương Long Hương	Phước Thạnh	1918	105ha	16.404

Nguồn: Tổng hợp từ Thư mục của Hiệp hội những người trồng cao su Đông Dương (năm 1926)

Theo thống kê, diện tích từng nhóm đồn điền chủ yếu dao động từ vài chục đến 200ha; trên 1000ha có 3 đồn điền thuộc các công ti lớn: *Cầu Khởi* (2255ha), *Route Haute* (1350ha), *Tây Ninh* (3260ha), chi tiết:

- Dưới 20ha: 4
- Từ 21-100ha: 8
- Từ 101-500ha: 6
- Trên 1000ha: 3

Trong đó, chủ người Việt là dân địa phương (10 chủ): *Bùi Hữu Định* (An Tĩnh), *Cao Triều Hồng* (An Tĩnh), *Đặng Trí Sung* (Gia Lộc), *Lê Thành Đưa* (Gia Lộc, công ti Gia Lâm),

Hà Công Trình (Lộc Hưng), Nguyễn Văn Tân (Danh) (Gia Lộc), Nguyễn Văn Vĩnh (An Tĩnh), Phạm Văn He (An Tĩnh), Trương Quang Tiến (An Tĩnh), Vương Long Hương (Phước Thạnh).

Chủ là người Việt nhưng không phải dân địa phương (2 chủ): *Đặng An Khương* (Gia Lộc) ở Chợ Lớn, *Đỗ Trần* (Thái Bình) ở Sài Gòn.

Bảng 2 cho thấy tổng diện tích đồn điền hoạt động đến năm 1926 là 8170ha, số cây: 1.013.563. So sánh Tây Ninh với một số tỉnh Nam Kỳ khác về diện tích và số lượng cây trồng cùng thời điểm năm 1926, Tây Ninh đứng hàng thứ 4 về diện tích và số lượng cây trồng (xem Bảng 3):

Bảng 3. Bảng so sánh diện tích và số cây cao su một số tỉnh Nam Kỳ

Tỉnh	Tây Ninh	Bà Rịa	Biên Hòa	Gia Định	Thủ Dầu Một	Chợ Lớn, Tân An, Hà Tiên
Diện tích	8170	7119	44.895	10.849	59.237	3871
Số cây trồng	1.013.563	248.362	2.349.377	2.272.269	4.381.702	288.000

Nguồn: Tổng hợp từ Thư mục của Hiệp hội những người trồng cao su Đông Dương (năm 1926)

Từ năm 1929 đến 1933, kinh tế thế giới rơi vào khủng hoảng, cao su rớt giá mạnh. Để cứu vãn các công ti cao su khỏi bị phá sản, chính quyền Đông Dương xuất công quỹ tài trợ, cứ mỗi hecta cao su trồng trên đất đỏ được hỗ trợ 120 đồng, trồng trên đất nâu được 60 đồng. Tuy nhiên, việc tuyên truyền và giúp đỡ của nhà nước thuộc địa đối với vấn đề khuyến khích trồng cao su hầu như không có gì.

Chính vì thế, diện tích thực canh cao su ở Tây Ninh vẫn không có chuyển biến nhiều. Bảng 4 dưới đây thống kê đồn điền cao su ở Tây Ninh (năm 1930) đã cho thấy rõ điều này:

Bảng 4. Bảng xếp hạng về diện tích các đồn điền cao su ở Tây Ninh năm 1930

Đồn điền (<i>plantation</i>)	Xếp hạng về diện tích (tỉnh Tây Ninh)
Arnaud	6
Bauge	9
Bến Củi	11
Blavadie	17
Cầu Khởi	27
Caruette	28
Daillan	37
Đặng An Khương	40
Domaine Tabeluy	38
“Những người trồng cao su Réunion” (Société anonyme “Les planteurs réunis”)	77
Mogenet	87

Nguyễn Văn Dếp	90
Nguyễn Gia Tế	91
Nguyễn Thới Vân	92
Nguyễn Văn Vĩnh	93
O' Connel	106
Petit	109
Route Haute	121
Sentenac	125
Servain	126
Tây Ninh	133
Thanh Phát	134
Theveneau	135
Trảng Bàng	137
Trảng Súp	138
Trương Quang Tiến	144
Vincent	145

Nguồn: Tổng hợp từ Thư mục của Hiệp hội những người trồng cao su Đông Dương (năm 1931)

Bảng 4 cho thấy có tất cả 27 đồn điền, trong đó có một số đồn điền mới xuất hiện: *Theveneau* (ở làng Lộc Ninh, thành lập 1928), *Vincent* (ở làng Thạnh Phước), *Domaine Tabeluyl* (tổng Hòa Ninh, thành lập 1928)...

Một số đồn điền trước đó có hoạt động, đến năm 1930 thì không còn hoạt động: *Bùi Hữu Định* (An Tịnh), *Cao Triều Hồng* (An Tịnh), *Phạm Văn He* (An Tịnh), *Đặng Trí Sung* (Gia Lộc)... Những đồn điền này thường là những đồn điền nhỏ, tự phát của địa phương và không thể cạnh tranh với các đồn điền có nguồn lực tư bản lớn khác.

Năm 1935, hoạt động đồn điền cao su có sự chuyển biến. Ngày 09/8/1935, một số công ti cao su ở Nam Kỳ kết hợp lại thành một tổ chức với số vốn khổng lồ lấy tên là Công ti đồn điền cao su Đông Dương (Société Indochinoise d'Hévéas). Việc liên kết các công ti nhỏ để trở thành những công ti lớn là một xu thế tất yếu, nhằm đảm bảo nguồn lực trong cạnh tranh và phát triển. Các công ti liên kết bao gồm: Công ti Đất đỏ An Lộc, Công ti Nông nghiệp Suzannach và Công ti Nông nghiệp Kỹ nghệ Bến Củi (Société agricole et industrielle de Bến Củi) – Tây Ninh. Với số vốn lúc đầu là 29.600.000fr (Duong, 2001, p.245).

Những năm tiếp theo, tình hình trồng và sản xuất cao su của các đồn điền ở Tây Ninh, cũng không có điểm gì mới. Vẫn là sự vươn lên của các đồn điền có tiềm lực về tài chính và sự hậu thuẫn về chính trị của chính quyền thuộc địa.

2.3. Tác động của đồn điền cao su đối với kinh tế – xã hội Tây Ninh thời kì thuộc Pháp

Trong quá trình hình thành và phát triển các đồn điền cao su ở Tây Ninh đã ít nhiều có những tác động nhất định, làm biến đổi về mặt kinh tế – xã hội Tây Ninh thời Pháp thuộc. Cụ thể:

Thứ nhất, biến đổi cơ cấu cây trồng, hình thành những khu vực sản xuất chuyên canh sản phẩm nông nghiệp. Nhìn chung, trước khi thực dân Pháp xâm lược và tiến hành khai thác thuộc địa thì nền kinh tế Nam Kỳ nói chung và Tây Ninh nói riêng là một nền kinh tế nông nghiệp tiểu nông còn nhiều lạc hậu, chưa có định hướng phát triển rõ ràng và chưa ứng dụng máy móc vào sản xuất. Khi các đồn điền cao su lần lượt được thành lập và đi vào hoạt động, Tây Ninh đã xuất hiện những vùng chuyên canh cây cao su – một giống cây công nghiệp mới được thử nghiệm thành công và có nguồn gốc từ bên ngoài. Cơ cấu cây trồng cũng có sự biến đổi, từ chỗ chuyên canh cây lúa và một số loại cây trồng truyền thống như ngô, lạc, mía... nay đã chuyển một phần sang trồng và khai thác cao su, một loại cây công nghiệp mới và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Năm 1911, cao su chế biến xuất về thị trường Paris với giá từ 13-22,75 francs/kg trong khi giá thành sản xuất khoảng 3 francs và phí vận chuyển khoảng 1 francs/kg (Dang, 2000, p.35). Giá trị kinh tế và lợi nhuận cây cao su mang lại ngày càng cao nên ngày càng được trồng phổ biến và tạo nên những thay đổi rõ rệt trong cơ cấu nông nghiệp tỉnh Tây Ninh thời Pháp thuộc.

Thứ hai, mở rộng diện tích đất canh tác. Sau một thời gian thử nghiệm, cây cao su đã được người Pháp chọn trồng và khai thác lâu dài ở Nam Bộ nói chung và tỉnh Tây Ninh nói riêng. Thực dân Pháp đẩy mạnh tốc độ khai phá vùng đất này, mở rộng diện tích đất trồng, thiết lập nên những đồn điền cao su rộng lớn. Trong khoảng 4 thập kỉ đầu của thế kỉ XX, số lượng đồn điền được thành lập để trồng và phát triển loại cây này ở Tây Ninh ngày càng nhiều cả về diện tích lẫn số lượng cây trồng. Từ một đồn điền của Công ti cao su Tây Ninh với 27ha cao su đầu tiên năm 1908, đến năm 1931 đã tăng lên 146 đồn điền với 26.302ha 1952a. Trong 23 năm, diện tích trồng cao su trên địa phận tỉnh Tây Ninh đã tăng lên gần 1000 lần so với ban đầu. Những vùng đất hoang vu, không đường sá, không người lui tới nay đã được thay thế bởi những đồn điền cao su bạt ngàn, xanh mướt. Nó đã góp phần vào việc tận dụng và khai thác nguồn lợi đất đai để mở rộng diện tích đất nông nghiệp.

Thứ ba, hình thành quan hệ sản xuất mới. Trong hoạt động kinh tế của mình, để tăng thêm nguồn lao động phục vụ hoạt động sản xuất, các đồn cao su ở Tây Ninh tiến hành thuê mướn nhân công. Đi đôi với việc mở rộng quy mô, diện tích thì nhu cầu nhân công làm việc trong các đồn điền cũng ngày càng lớn. Mỗi đồn điền có từ 2-3 nhân công đến vài trăm công nhân làm việc (Bùi Hữu Định: 2 nhân công; Cao Triều Tông: 5 nhân công; Tây Ninh: 400 nhân công; Cầu Khởi: 200 nhân công) (Syndicat, 1926, p.72). Việc thuê mướn nhân công ngày càng có xu hướng phát triển trong các đồn điền cao su đã làm nảy sinh quan hệ giữa ông chủ – người làm thuê, quan hệ này đã dần thay thế cho các quan hệ mang tính chất gia đình nhỏ lẻ, quan hệ chủ đất – tá điền hoặc cách làm ăn chắc chắn là tậu ruộng, phát canh, thu tô, cho vay lấy lãi, mua lúa non... trước đây.

3. Kết luận

Trong 4 thập kỉ đầu của thế kỉ XX, số lượng đồn điền cao su được thành lập ở Tây Ninh nhiều cả về diện tích lẫn số lượng cây trồng. Số lượng đồn điền cao su ở Tây Ninh thời

Pháp thuộc được đăng kí hoạt động khá nhiều và đa dạng về quy mô, diện tích canh tác từ vài ha đến vài trăm, thậm chí vài nghìn ha. Đến năm 1931, tổng số có 146 đồn điền cao su đăng kí hoạt động dưới thời thuộc Pháp với tổng diện tích 26.302ha 1952a. Kỹ thuật canh tác nhìn chung vẫn còn nhiều hạn chế, sử dụng sức người là chính. Chủ sở hữu chủ yếu là người Pháp, sở hữu người Việt chiếm một tỉ lệ rất nhỏ và rất khó để cạnh tranh với các đồn chủ người Pháp, nhất là về vốn và kỹ thuật canh tác, khai thác sản phẩm cao su. Nguồn công nhân làm việc tại các đồn điền chủ yếu là người miền ngoài vào, cư dân địa phương, người Cam Bốt (Campuchia) và cả người “hàng xóm” (*voisinants*). Các đồn điền được thành lập và đi vào hoạt động có những tác động nhất định đối với kinh tế – xã hội Tây Ninh thời kì thuộc Pháp. Đó là sự biến đổi cơ cấu cây trồng, hình thành những khu vực sản xuất chuyên canh sản phẩm nông nghiệp, mở rộng diện tích đất canh tác và hình thành quan hệ sản xuất mới.

Từ một vùng đất không thích hợp cho việc trồng lúa đến việc trồng thử nghiệm và phát triển chính thức cây cao su trên mảnh đất này đã làm thay đổi bộ mặt nông nghiệp của Tây Ninh. Tuy nhiên, việc trồng và khai thác cao su thời thuộc Pháp chỉ dừng lại ở sơ chế để xuất khẩu sản phẩm mủ cao su thô. Bên cạnh đó, việc trồng, khai thác và xuất khẩu cao su phần lớn tập trung vào tay người Pháp, nên về cơ bản không làm phát triển nhiều đối với nền kinh tế nơi đây.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cochinchine, F. (1889). *Excursions et reconnaissances, N^o31 (en 1889)*. Saigon: Coloniale Publishing House.
- Dang, V. V. (2000). *100 năm cao su Việt Nam [100 years of rubber in Vietnam]*. Hanoi: Agriculture Publishing House.
- Duong, K. Q. (2001). *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1919-1945) [Vietnam Historical events (1919-1945)]*. Hanoi: Education Publishing House.
- Nguyen, D. T. (2016). *Che do thuc dan Phap tren dat Nam Ky 1859-1954, Tap 2 [French colonial rule in Cochinchina 1859-1954, vol 2]*. Ho Chi Minh City: Ho Chi Minh General Publishing House.
- Nguyen, D. T. (2017). *Địa chí Hành chính các tỉnh Nam Kỳ thời Pháp thuộc (1859-1954) [Administrative geography of the provinces of Cochinchina during the French colonial period (1859-1954)]*. Ho Chi Minh City: Ho Chi Minh General Publishing House.

- Nguyen, T. M. T. (2012), *Qua trình đầu tư và khai thác thuộc địa về cao su của tư bản Pháp ở Việt Nam (1858-1945)* [The process of investment and colonial exploitation of rubber by French capitalists in Vietnam (1858-1945)]. Retrieved from <http://www.sugia.vn/portfolio/detail/569/qua-trinh-dau-tu-va-khai-thac-thuoc-dia-ve-cao-su-cua-tu-ban-phap-o-viet-nam-1858-1945.html>.
- Syndicat, P.L.I (1916). *Annuaire du Syndicat des planteurs de caoutchouc de l'Indochine (en 1927)*. Saigon: Publisher Saigon.
- Syndicat, P.L.I (1923). *Annuaire du Syndicat des planteurs de caoutchouc de l'Indochine (en 1931)*. Saigon: Publisher Saigon.
- Syndicat, P.L.I (1926). *Annuaire du Syndicat des planteurs de caoutchouc de l'Indochine (en 1927)*. Saigon: Publisher Saigon.
- Syndicat, P.L.I (1931). *Annuaire du Syndicat des planteurs de caoutchouc de l'Indochine (en 1931)*. Saigon: Publisher Saigon.
- Tran, D. C. (Chief Editor) (2016). *Lịch sử hình thành và phát triển vùng Nam bộ (từ khởi thủy đến năm 1945)* [History of formation and development of the Southern region (from the beginning to 1945)]. Hanoi: Science and Social Publishing House.

RUBBER PLANTATION IN TAY NINH PROVINCE DURING THE FRENCH COLONIAL PERIOD

Duong Van Triem¹, Le Minh Hieu^{2}*

¹Dong Thap Historical Society, Vietnam

²Lawrence S. Ting School, Vietnam

*Corresponding author: Le Minh Hieu – Email: hieuminh0209@gmail.com

Received: July 12, 2022; Revised: September 04, 2022; Accepted: November 23, 2022

ABSTRACT

The article uses historical and statistical methods to study rubber plantations in Tay Ninh during the French colonial period. After a trial period, rubber trees have been planted and exploited by the French for a long time in the South in general and in Tay Ninh province in particular. During the first four decades of the twentieth century, the number of rubber plantations established in Tay Ninh increased more and more both in terms of area and number of trees. It focuses on understanding some characteristics of rubber plantations about the establishment and size of the plantation, owners, farming techniques, the main source of workers working in the plantation as well as the impacts of rubber plantations to Tay Ninh's socio-economy in this period. The development of rubber plantations led to changes in crop structure, formed specialized production areas for agricultural products, expanded arable land and made new production relations as well.

Keywords: rubber plantations; rubber plantations in Tay Ninh; Tay Ninh during the French colonial period; Tay Ninh agriculture during the French colonial period